

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/6/2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Nguyễn Văn Sáu**

**Ông Trần Ngọc Đức**

**- Thư ký phiên toà:** Ông **Lê Kim Hồ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:** Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Ngọc C**, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: tổ 8, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

**2. Bị đơn:** Anh **Trần Thế A**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 18/02/2022 nguyên đơn Lê Thị Ngọc C trình bày:**

Vào tháng 7 năm 2018 (âm lịch), chị và anh Trần Thế A qua mai mối tiến đến hôn nhân, có tổ chức hôn lễ theo phong tục tại địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi tổ chức đám cưới bên chồng có cho 01 đôi bông, 01 sợi dây chuyền và

01 chiếc lắc với tổng trọng lượng là 20 (hai mươi) chỉ vàng 24k. Số vàng này chị C đã bán để sinh con và nuôi con hết.

Sau khi cưới chị và anh Thế A về sống với cha mẹ chồng tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long đến khi chị mang thai được 04 tháng thì anh Thế A không lo làm ăn, chỉ đi chơi, ăn nhậu nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên chị bỏ về nhà mẹ ruột ở xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long sống từ đầu năm 2019 đến nay. Từ đó đến khi chị sinh con anh Thế A không một lần đến thăm chị và con.

Trong quá trình chung sống chị và anh Thế A có 01 con chung tên Lê Hồng N (sinh ngày 31/7/2019), do chị và anh Thế A không có đăng ký kết hôn nên cháu N lấy theo họ mẹ và chị là người chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N từ lúc mới sinh cho đến nay.

Chị Lê Thị Ngọc C xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Thế A không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Trần Thế A.
- Về con chung: Chị C yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Hồng N, sinh ngày 31/07/2019, chị không yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng nuôi con.
- Về quan hệ tài sản (tài sản chung và nợ chung): không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại Bản tự khai ngày 19/5/2022 anh Trần Thế A trình bày:***

Hôn nhân giữa anh và Lê Thị Ngọc C là do mai mối, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Lê Thị Ngọc C trình bày nữ trang cưới có 20 chỉ vàng 24k là đúng. Sau khi cưới vợ chồng sống tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. C khai về mâu thuẫn là không đúng, anh không có bỏ vợ con, không có đi ăn nhậu, chỉ cãi và với vợ những việc không vừa ý. Anh và chị C có 01 con chung tên Lê Hồng N và hiện do chị C nuôi dưỡng là đúng. Chị C xin ly hôn với anh thì anh thống nhất, anh đồng ý để chị C tiếp tục nuôi cháu N, về cấp dưỡng thì anh và chị C tự thỏa thuận, anh yêu cầu được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con. Về tài sản: ngoài 20 chỉ vàng 24k (vàng cưới), thì không còn tài sản nào khác, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Do anh bận đi làm xa nhà nên xin Tòa cho anh được vắng mặt từ nay cho đến khi có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

*Tại phiên tòa chị Lê Thị Ngọc C trình bày:* Chị và anh Thế A sống chung từ năm 2018 nhưng không có đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống thì xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống từ năm 2019 đến nay, chị xác định không còn tình cảm với anh Thế A nên yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Thế A.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị Ngọc C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thế A, anh Thế A có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành các cuộc họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, anh Trần Thế A tuy vắng mặt nhưng đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thế A, tuy nhiên xét chị C và anh Thế A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 mà không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên việc sống chung giữa chị C và anh Thế A không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị Ngọc C và anh Trần Thế A là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Chị Lê Thị Ngọc C khai trong thời gian chung sống chị và anh Trần Thế A có một con chung là Lê Hồng N (sinh ngày 31/07/2019), tại bản tự khai 19/5/2022 anh Thế A cũng thừa nhận cháu N là con của anh và chị C. Xét việc chị C yêu cầu giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi cháu N là có cơ sở để chấp nhận, bởi từ trước đến nay cháu N do chị C chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay cháu N chưa tròn 03 tuổi nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, thêm vào đó anh Thế A cũng không tranh chấp với chị C về việc nuôi con mà đồng ý giao cháu N cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Như vậy việc giao cháu N cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo nguyện vọng của các đương sự và phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, giao cháu Lê Hồng N cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Trần Thế A được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

Trong vụ án này chị Lê Thị Ngọc C không yêu cầu anh Trần Thế A cấp dưỡng nuôi Lê Hồng N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc C phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc C

*1.1. Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận chị Lê Thị Ngọc C và anh Trần Thế A là vợ chồng.

*1.2. Về con chung:* Giao cháu Lê Hồng N (sinh ngày 31/07/2019) cho chị Lê Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Tòa án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh Trần Thế A chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Thế A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, anh Trần Thế A còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*1.3. Về quan hệ tài sản:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc Lê Thị Ngọc C nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí chị C phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0013528 ngày 23/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- Dương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- UBND phường An Hòa, quận Bình Thủy, TPCT: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b

(ĐÃ KÝ)

**Huỳnh Ngọc Sương**